

Số: 717/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:
Hạng mục: Công tác phòng chống lụt bão 2025; Mục: Phát quang Đường
giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2
từ Km13+289:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ văn bản số 1365/ĐLTKV-KH ngày 16/5/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng Công ty Điện lực -TKV;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-D9N5 ngày 19/5/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ biên bản kiểm tra hiện trường ngày 05/4/2025 về việc kiểm tra công tác phòng chống lụt bão năm 2025 và thống nhất khối lượng các vị trí cần phát quang cây cỏ trên cao dọc hai bên đường giao thông tuyến 3 và tuyến 2 lần 2 để đảm bảo an toàn giao thông đi lại trong mùa mưa bão năm 2025;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Tổ thẩm định ngày 02/6/2025.

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại tờ trình ngày 29/5/2025 về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ ; Km13+289:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ ; Km13+289:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng) với những nội dung chính sau:

1. Tên hạng mục: Công tác phòng chống lụt bão 2025.

2. Gói cung cấp: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).

3. Giá trị dự toán: **405.357.593 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm linh năm triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm chín mươi ba đồng). (Chi tiết như dự toán đính kèm).

4. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí SXKD năm 2025

5. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.

6. Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý II/2025

7. Loại hợp đồng: Trọn gói

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Nội dung yêu cầu của gói cung cấp như phụ lục 6 đính kèm.

Điều 2: Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu tổ chức thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu đúng theo quy định hiện hành. Giao cho phòng Kỹ thuật An toàn giám sát nghiệm thu theo quy định.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trang Websites TKV (để đăng tải)
- Trang Websites ĐLTKV (để đăng tải)
- Lưu: VT, KT-AT, TCKT, KHĐTVT.D(03)

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Quyết định số 3.17/QĐ-ĐN5 ngày 3 tháng 6 năm 2025)

BẢNG TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ HẠNG MỤC

Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025

Mục: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000-:-Km18+500	Gxd.1	321.169.632	25.693.571	346.863.203
2	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)	Gxd.2	54.161.472	4.332.918	58.494.390
	TỔNG CỘNG		375.331.104	30.026.489	405.357.593
(Bảng chữ: Bốn trăm linh năm triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng.)					

PHỤ LỤC SỐ 02
(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-ĐN5 ngày 3 tháng 6 năm 2025)
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025
Mục: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)

STT	Tên gói cung cấp	Giá gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)	405.357.593	Chi phí SXKD năm 2025	Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý II/2025	Trọn gói	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
	Tổng cộng	405.357.593						

PHỤ LỤC 03
(Kèm theo Quyết định số 3.17/QĐ-ĐN5 ngày 3 tháng 8 năm 2025)
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG
HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO NẪM 2025
Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000-:-Km18+500

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	Bảng giá tổng hợp	1.341.150
2	Chi phí Nhân công	NC	Bảng giá tổng hợp	275.868.565
3	Chi phí Máy thi công	M	Bảng giá tổng hợp	0
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	277.209.715
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	17.187.002
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1,1%	3.049.307
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	5.544.194
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	25.780.504
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	18.179.413
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	321.169.632
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	25.693.571
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	346.863.203

Bảng chữ: Ba trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm linh ba đồng ./.

PHỤ LỤC 04

(Kèm theo Quyết định số 3.1.7/QĐ-ĐN5 ngày 3 tháng 8 năm 2025)

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025

Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	giá tổng hợp	216.450
2	Chi phí Nhân công	NC	giá tổng hợp	46.531.700
3	Chi phí Máy thi công	M	giá tổng hợp	0
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	46.748.150
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	2.898.385
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1,1%	514.230
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	934.963
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	4.347.578
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	3.065.744
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	54.161.472
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	4.332.918
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	58.494.390

Bảng chữ: Năm mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi đồng đồng./.

PHỤ LỤC 05

(Kèm theo Quyết định số 7.17/QĐ-ĐN5 ngày 3 tháng 6 năm 2025)

BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Hạng mục: Phòng chống lụt bão năm 2025

Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000-:Km18+500 và Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:Km14+732 (đầu đường TC9 vào vai phải đập dâng)

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)			Thành tiền (đ)		
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy T.C
I		Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000-:Km18+500								
1	SC.37201	Phát quang dọc hai bên đường	m2	44.705,0		5.962		0	266.531.210	0
2	CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần	447,050	3.000	20.887		1.341.150	9.337.355	0
II		Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:Km14+732 (đầu đường TC9 vào vai phải đập dâng)								
1	SC.37201	Phát quang dọc hai bên đường	m2	7.215,0		6.231		0	44.956.665	0
2	CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/lần	72,150	3.000	21.830		216.450	1.575.035	0

PHỤ LỤC 06

(Kèm theo Quyết định số 7.17./QĐ-ĐN5 ngày 3 tháng 6 năm 2025)

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP**MỤC LỤC****CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**

- Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ
- Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất
- Mục 3: Các yêu cầu về thương mại
- Mục 4: Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong HS đề xuất
- Mục 5: Nội dung HS đề xuất
- Mục 6: Thời hạn hiệu lực của HS đề xuất
- Mục 7: Nộp, tiếp nhận, mở HS đề xuất
- Mục 8: Làm rõ HS đề xuất
- Mục 9: Đánh giá HS đề xuất
- Mục 10: Quyết định lực chọn Nhà cung cấp
- Mục 11: Hợp đồng

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ**Chương III. BIỂU MẪU**

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tiến độ thực hiện 15 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).
6. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.
 - có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự với gói cung cấp đang xét: Phát quang cây cỏ đường giao thông.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.
3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu

cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ..., có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn .. giờ ... phút ngày ... tháng ... năm 2025. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn hoặc bằng đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CUNG CẤP

Tên gói: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:-Km18+500;
Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải
đập dâng);

Phạm vi, nội dung yêu cầu của gói cung cấp.

Nội dung công việc và khối lượng thực hiện theo bảng danh mục sau:

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục
I	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000-:- Km18+500			
1	Phát quang cây cỏ dọc hai bên đường	44.705,00	m2	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	447,050	100m2/ lần	
II	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289- :-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)			
1	Phát quang dọc hai bên đường	7.215,0	m2	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	72,150	100m2/ lần	
TỔNG GIÁ DỰ CUNG CẤP SAU THUẾ				

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]*

Tên gói dịch vụ: *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ *[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
 Tên dịch vụ: [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục
I	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000:-Km18+500			
1	Phát quang cây cỏ dọc hai bên đường	44.705,00	m2	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	447,050	100m2/ lần	
II	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)			
1	Phát quang dọc hai bên đường	7.215,0	m2	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	72,150	100m2/ lần	
TỔNG GIÁ DỰ CUNG CẤP SAU THUẾ				

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:

2. Tiến độ thực hiện cung cấp:

3. Thanh toán:

4. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

*Mẫu số 04***BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP***Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]**Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2025/HĐSXKD-ĐN5

**Về việc Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :-
 Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu
 TC9 vào vai phải đập dâng)**

Cơ sở pháp lý để ký hợp đồng:

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2025 của Giám Đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :-Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng);

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày/.../2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày/.../2025 của Giám đốc Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :-Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV ; Số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A):

Tên chủ đầu tư: **CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV**

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm

Đồng

Điện thoại: 02633 976888

Tài khoản: 1020831973 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-

Chi nhánh Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng.

Mã số thuế: 0104297034-007

Đại diện là ông: **Trần Văn Tuấn**

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông: Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thi công xây dựng với các nội dung

sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công gói Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500; Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng).

- Địa điểm thực hiện: Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 Xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và xã Đắc Sin, huyện Đắc Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng;
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
5. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (Bên A)

- Cử cán bộ giám sát và kiểm tra trong suốt quá trình thực hiện công tác

Thi công do Bên B thực hiện;

- Bên A được quyền từ chối nghiệm thu khi công việc Bên B thực hiện không đạt yêu cầu quy định của hợp đồng.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:

+ Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

+ Chậm tiến độ hoàn thành việc thi công theo hợp đồng.

+ Giao cho Nhà thầu phụ dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện toàn bộ công việc của hợp đồng này mà không được sự chấp thuận của Bên A.

Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho nhà thầu trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý.

- Cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến công việc để Bên B thực hiện theo hợp đồng.

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên giám sát chất lượng tiến độ thi công, ký các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc theo hợp đồng và các chứng từ liên quan khác phục vụ cho việc thanh quyết toán.

- Bàn giao mặt bằng thi công cho Bên B thực hiện.

- Đình chỉ thi công nếu xét thấy không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, An toàn lao động.

- Kiểm tra chất lượng đột xuất công việc của Bên B khi xét thấy một số

vấn đề có ảnh hưởng đến công việc thi công.

- Yêu cầu Bên B phải sử dụng thiết bị, máy móc đạt chuẩn theo pháp luật hiện hành.

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại **Điều 5** của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu (Bên B)

- Nhận bàn giao và quản lý mặt bằng thi công sau khi được bàn giao.

- Bên B phải đảm bảo sự kết hợp giữa các bên liên quan để đảm bảo thi công đúng kỹ thuật và đúng tiến độ.

- Có biện pháp khắc phục kịp thời khi sự cố xảy ra trong quá trình thi công mà do lỗi của Bên B. Bên B phải khắc phục và chịu hoàn toàn chi phí khắc phục hậu quả do sự cố đó gây ra.

- Tự bảo quản, quản lý các trang thiết bị, máy móc, vật tư mang đến thi công.

- Chấp hành các quy định về trật tự an ninh, khai báo tạm trú đối với người lao động của mình theo quy định của cơ quan sở tại.

- Bên B có nghĩa vụ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và chi trả phí bảo hiểm tai nạn lao động cho công nhân làm việc theo quy định của pháp luật. Công nhân khi thi công yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc về trang bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, dây, ủng....).

- Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba có liên quan do vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường, khắc phục cho tất cả vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng của Bên B. Trường hợp Bên B từ chối bồi thường hoặc khắc phục vi phạm không đặt yêu cầu thì Bên A có quyền tự làm hoặc thuê bên thứ ba thực hiện công việc đó chi phí này do Bên B chi trả.

- Giữ bí mật thông tin và toàn bộ tài liệu liên quan đến hợp đồng theo quy định của pháp luật có liên quan đến bảo mật thông tin.

- Thông báo kịp thời cho Bên A về những thông tin tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng có thể làm chậm trễ, cản trở đến công việc....

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bên B phải cam kết giải quyết triệt để mọi rủi ro pháp lý và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên A.

- Bên B cam kết tiến hành công việc theo đúng khối lượng và thời gian trong hợp đồng, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn đối với con người và thiết bị của Nhà thầu.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

5.1 Giá hợp đồng: **đồng** (Bằng chữ: *đồng*).

- Giá hợp đồng đã bao gồm ... VAT và các loại thuế, phí khác.
- Chi tiết có bảng phụ lục giá hợp đồng kèm theo hợp đồng này.

2. Tạm ứng: Không tạm ứng nhưng Bên B vẫn đảm bảo thời gian và chất lượng công việc thi công theo hợp đồng.

3. Phương thức thanh toán:

- a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- b. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán theo quy định tại mục d khoản 3 điều này.

c. Thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng được hai bên ký xác nhận trong vòng 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán của bên B;
 - + Bảng tổng hợp giá trị thanh toán;
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
 - + Hợp đồng bản photo;
 - + Các chứng từ liên quan khác (nếu có).
- d. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng

8.1. Yêu cầu về chất lượng:

Khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của mình, hai bên sẽ tiến hành lập biên bản nghiệm thu và bàn giao Công trình trong đó đảm bảo Công trình phải thực hiện theo đúng theo hợp đồng.

Điều 9. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau;

a. Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo khối lượng biện pháp được duyệt và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b. Thay đổi về chất lượng, các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, Bên B phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Biểu tiến độ thi công chi tiết.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi

phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Sau khi hợp đồng có hiệu lực nếu một bên vi phạm hợp đồng thì bên tuân thủ hợp đồng có quyền đòi bên vi phạm hợp đồng bồi thường tất cả các tổn thất bao gồm các chi phí như:

- Chi phí kiện tụng.
- Chi phí đi lại.
- Chi phí luật sư.
- Chi phí giám định.
- Các chi phí khác (Nếu có).

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 2% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi 01 ngày chậm (kể từ ngày thứ nhất sau ngày hết thời gian hợp đồng). Nhưng số ngày vi phạm không quá 4 ngày, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần vi phạm hợp đồng. Nếu số ngày chậm vi phạm vượt quá mức qui định nêu trên thì Bên A có quyền xem xét đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Phạt do vi phạm không đảm bảo chất lượng: Nếu bên B vi phạm về đảm bảo chất lượng cho công trình thì bên B chịu mọi chi phí để khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của bên A và bên B bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm về chất lượng công trình. Nếu bên B khắc phục, sửa chữa kéo dài thời gian hoàn thành thì bên B tiếp tục bị phạt theo quy định về chậm tiến độ.

- Trong thời gian thi công Bên B để xảy ra mất an toàn ngoại việc đền bù 100% thiệt hại Bên B phải chịu phạt 5% giá trị hợp đồng trên mỗi vụ việc.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thuởng: Không áp dụng

Điều 11. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng

1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp;

- Các trường hợp bất khả kháng.
- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.
- Các trường hợp khác hai bên thỏa thuận.

Trong những trường hợp này, mỗi Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải thông báo trước hoặc ngay sau khi tạm dừng Hợp đồng cho Bên kia biết bằng văn bản và trong một khoảng thời gian nhất định hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại này.

Trong trường hợp bất khả kháng thì thời gian tạm dừng Hợp đồng đúng bằng thời gian diễn ra bất khả kháng.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do hai bên thỏa thuận khắc phục.

2. Chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp:

- Chấm dứt bởi Bên A: Nếu xảy ra một trong các trường hợp sau, Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước ít nhất là 2 ngày:

+ Trong vòng 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này mà Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó;

+ Bên B rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể;

+ Xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 2 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể tiếp tục thực hiện được theo nhiệm vụ được duyệt.

- Chấm dứt bởi Bên B: Nếu xảy ra một trong các trường hợp sau, Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 2 ngày:

+ Trong vòng 25 ngày kể từ ngày được Bên B thông báo về việc chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào của Hợp đồng này và đã có đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà Bên A vẫn không thanh toán;

+ Xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 2 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó mà Bên B vẫn không thể tiếp tục thực hiện theo nhiệm vụ được duyệt.

Điều 12: Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia biết về sự việc bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 13. Giám sát kỹ thuật

Giám sát kỹ thuật của chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Giám sát kỹ thuật có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Giám sát kỹ thuật.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi Giám sát kỹ thuật, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 14. Vật tư, máy móc, thiết bị

Bên B phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công

trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 15. Nghiệm thu

Bên A tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Bên A và Bên B ký xác nhận.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Lâm Đồng theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.

Điều 17. Điều khoản độc lập

Nếu bất cứ quy định nào của Hợp đồng này (hoặc một phần của bất cứ quy định này) bị tòa án hoặc bất cứ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào tuyên là vô hiệu, không có hiệu lực thi hành, bất hợp pháp thì các điều khoản khác vẫn có giá trị pháp lý.

Nếu các quy định nào vô hiệu, không có hiệu lực thi hành hoặc bất hợp pháp thì điều khoản này sẽ được áp dụng với bất cứ sửa đổi nào cần thiết để làm cho điều khoản đó có hiệu lực phản ánh các thỏa thuận có tính chất thương mại của các bên.

Điều 18. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm hoàn thành công việc và thanh toán theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ tự thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 07 bản, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

**PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN
HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO NĂM 2025**

**Mục: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 -:- Km18+500;
Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289-:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập
dâng).**

(Kèm theo Hợp đồng số /2025/HĐSXKD-ĐN5 ngày tháng năm 2025)

STT	Nội dung	Đơn giá chào (VNĐ)
1	Gói dịch vụ	
	Tổng cộng giá dự gói cung cấp	

Bảng chữ:...../.

**PHỤ LỤC 1.1: BẢNG TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ HẠNG MỤC
HẠNG MỤC: CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO NĂM 2025**

**Mục: Phát quang Đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000 :- Km18+500;
Đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289:-Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập
dâng).**

(Kèm theo Hợp đồng số /2025/HĐSXKD-ĐN5 ngày tháng năm 2025)

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục
I	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 3 từ Km2+000:- Km18+500			
1	Phát quang dọc hai bên đường	44.705,00	m2	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	447,050	100m2/ lần	
II	Mục: Phát quang cây cỏ đường giao thông tuyến 2 từ Km13+289:- Km14+732 (đầu TC9 vào vai phải đập dâng)			
1	Phát quang dọc hai bên đường	7.215,0	m2	
2	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	72,150	100m2/ lần	
TỔNG GIÁ DỰ CUNG CẤP SAU THUẾ				

PHỤ LỤC 02. DANH SÁCH NHÂN SỰ
(Kèm theo Hợp đồng số /2025/HĐSXKD-ĐN5 ngày tháng năm 2025)

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Vị trí đảm nhiệm

))